

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Khả H, Sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, Sinh năm 1989 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt anh H, vắng mặt chị C không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Khả H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C.

- *Về con cái*: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị C*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lên làm bản tự khai, thông báo kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng chị C vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Thu thập chứng cứ tại gia đình chị C: Theo ông Nguyễn Trọng T (bố đẻ chị C) trình bày: Anh H và chị C kết hôn với nhau từ năm 2018. Sau khi kết hôn, chị C nhập khẩu về sinh sống tại gia đình nhà chồng tại thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị lấy nhau lâu mà chưa có con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại dàn xếp nhiều lần nhưng không thành. Nay anh H xin ly hôn chị C đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến cho chị C theo địa chỉ của gia đình ông; tuy nhiên chị C thỉnh thoảng vắng nhà, ông là người nhận thay và đã giao lại đầy đủ các giấy tờ của Tòa án cho chị C.

Thu thập chứng cứ tại địa phương:

-Theo báo cáo của trưởng thôn N1, xã Q: Chị C và anh H kết hôn với nhau từ năm 2018. Sau khi kết hôn, chị C về gia đình nhà chồng sinh sống tại thôn N, xã Q, huyện Q. Từ tháng 9/2020 chị C về nhà bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Trọng T ở. Mâu thuẫn vợ chồng anh, chị như thế nào thì địa phương không nắm được. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-*Theo báo cáo của thôn N, xã Q*: Anh H và chị C kết hôn với nhau năm 2018. Sau khi kết hôn, anh H, chị C chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết vì anh, chị không báo cáo chính quyền địa phương. Địa phương chỉ biết chị C bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, anh H tha thiết xin ly hôn chị C. Chị C đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho anh H được ly hôn chị C; về con chung, vợ chồng chưa có con chung, không yêu cầu giải quyết, đề nghị

HĐXX không xét; về tài sản công nợ không yêu cầu giải quyết, đề nghị HĐXX không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Anh Lê Khả H và chị Nguyễn Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Anh H xin ly hôn chị C tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, chị C vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]*Về hôn nhân*: Anh H và chị C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 09/01/2018 là Hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh H, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị C nhiều lần lên làm bản tự khai, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị C đều vắng mặt không có lý do; Chứng tỏ rằng chị C không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng với anh H.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác anh, chị đã không chung sống với nhau một thời gian dài. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Khả H.

[3]*Về con cái*: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]*Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[5]*Về án phí*: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2

Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2916/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Anh Lê Khả H được ly hôn chị Nguyễn Thị C.
2. *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xét.
3. *Về tài sản và công nợ*: Anh H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.
4. *Về án phí*: Anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 2239 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý